TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày 18-3-2024
Về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Danh

2. Ông Lê Thanh Duy

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị K. T, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Nguyễn C. T, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

(Tại phiên tòa, chị T xin vắng mặt, anh Th vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn ngày 13/11/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K. T trình bày:

Chị và anh Th quen biết tìm hiểu nhau 5 năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang) vào năm 20xx. Sau cưới, vợ chồng đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh. Năm 20xx, sau khi sinh con đầu lòng khoảng 2 tuổi thì vợ chồng về quê sống chung với gia

đình bên chồng được một năm thì cất nhà ở riêng. Từ năm 20xx, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Th hay ăn nhậu, có đi làm nhưng không phụ vợ lo cho con, vợ chồng thường hay cải vã về chuyện tiền bạc, anh Th đã đánh chị 2, 3 lần nhưng vì tình nghĩa chị không trình báo chính quyền địa phương biết. Anh chị đã sống ly thân khoảng một năm nay, nhà ai nấy ở không có liên lạc hàn gắn tình cảm. Nay không còn tình cảm, chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị H. T, sinh ngày 18/8/20xx; Nguyễn Thị Q. T, sinh ngày 15/11/20xx và Nguyễn Thị T. T, sinh ngày 30/01/20xx. Cháu Nguyễn Thị H. T đã trưởng thành, có khả năng lao động được, chị không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu T và cháu Tr, chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn C. T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh Th không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không kiến nghị gì về tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị K. T, cho chị T được ly hôn với anh Th. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Thị Q. T, sinh ngày 15/11/20xx và Nguyễn Thị T. T, sinh ngày 30/01/20xx cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn chị T có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Th vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyễn đơn chị T có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Th vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định. Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh Th vắng mặt là tự từ bỏ lời trình bày của đương sự tại tòa. Việc vắng mặt của anh Th không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về hôn nhân: Anh Th và chị T kết hôn năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy, theo lời trình bày của chị: Sau khi cưới, vợ chồng đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2007, sau khi sinh con đầu lòng khoảng 2 tuổi thì anh chị về quê sống chung với bên gia đình anh Th được một năm thì cất nhà ở riêng. Từ năm 2014, anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh Th hay ăn nhậu, có đi làm nhưng không phụ chị T lo cho con, vợ chồng thường hay cải vã về chuyện tiền bạc, anh Th đã đánh chị 2, 3 lần nhưng vì tình nghĩa chị không trình báo chính quyền địa phương biết. Về phía anh Th, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm, dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh vẫn không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến. Cho thấy, anh không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm hàn gắn tình cảm với chị T và mặc nhiên thừa nhận vợ chồng chung sống có xảy ra những mâu thuẫn như chị T trình bày. Do hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị được ly hôn với anh Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thị H. T, sinh ngày 18/8/2005; Nguyễn Thị Q. T, sinh ngày 15/11/2007 và Nguyễn Thị T. T, sinh ngày 30/01/2012. Cháu Nguyễn Thị H. T đã trưởng thành, có khả năng lao động được, chị không yêu cầu gì đối với cháu Tr nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Thơ và cháu T, hiện hai cháu đang sống với chị T. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Thơ và cháu T sống cùng với chị đã ổn định về mọi mặt; hơn nữa hai cháu có nguyện vọng được sống chung với chị T nên tiếp tục để chị T nuôi cháu Thơ và cháu T là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: chị T chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét..

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

[6] Về án phí: Chị T yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị K. T được ly hôn với anh Nguyễn C. T.

2. Về nuôi con chung:

- Giao hai con chung Nguyễn Thị Q. T, sinh ngày 15/11/20xx và Nguyễn Thị T. T, sinh ngày 30/01/20xx cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: chị T chưa yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Th được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; chị T và các thành viên gia đình không được ngăn cản.

3. - Về án phí: Chị Nguyễn Thị K. T phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001511 ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Chị T đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm

Nơi nhận:
- VKSND H.Tân Phú Đông;
- CC.THADS H.Tân Phú Đông;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.